

Số: /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”
giai đoạn 2022 - 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022 - 2030 (sau đây gọi tắt tiếng Việt là Chỉ số CCHC, tiếng Anh là PAR INDEX), với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi tắt là bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá khách quan, toàn diện, công bằng kết quả cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

- Đánh giá định lượng, kết hợp với định tính; đánh giá kết quả cải cách hành chính với tác động của cải cách hành chính; kết hợp đánh giá bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đánh giá bên ngoài của người dân, tổ chức

đối với kết quả cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

- So sánh, xếp hạng kết quả cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhận rõ những kết quả được, những tồn tại hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính hàng năm.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ, cấp tỉnh theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các bộ, các tỉnh. Phương pháp đánh giá khoa học, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của khoa học công nghệ.

b) Việc xác định Chỉ số CCHC phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các bộ, các tỉnh và đánh giá thực chất, khách quan, công bằng kết quả cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương.

đ) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao tính công khai, minh bạch và khách quan trong công tác theo dõi, đánh giá.

e) Hàng năm tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC của các bộ, các tỉnh.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

- 19 bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ). Trong đó, 02 cơ quan đặc thù là Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ có thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng chung với 17 bộ, cơ quan ngang bộ còn lại.

- 63 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số CCHC cấp bộ

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ được cấu trúc thành 7 lĩnh vực

đánh giá, 38 tiêu chí và 97 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 7 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thể chế: 9 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 6 tiêu chí và 19 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 4 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách chế độ công vụ: 6 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: 3 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ được nêu chi tiết tại Bảng 1 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC là 100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 31,50/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các bộ:
 - + Các bộ tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp bộ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các bộ tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 1;
 - + Điểm tự đánh giá của các bộ được Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Bộ Nội vụ quyết định được thể hiện tại cột “BNV đánh giá” của Bảng 1.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

- + Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Bảng 1. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ Nội vụ quy định;
- + Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp bộ;

- + Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Bảng 1.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC cấp bộ:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của bộ được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 1.

- Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

đ) Xếp hạng Chỉ số CCHC

- Kết quả Chỉ số CCHC của 17 bộ, cơ quan được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

- Kết quả Chỉ số CCHC của 2 cơ quan đặc thù không xếp hạng chung với 17 bộ, cơ quan.

2. Chỉ số CCHC cấp tỉnh

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 37 tiêu chí, 88 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 7 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thủ tục hành chính: 5 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách chế độ công vụ: 7 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: 3 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;

+ Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội: 5 tiêu chí, 8 tiêu chí thành phần;

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được nêu chi tiết tại Bảng 2 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 30,50/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 2.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các tỉnh:

+ Các tỉnh tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các tỉnh tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 2;

+ Điểm tự đánh giá của các tỉnh được Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Bộ Nội vụ quyết định được thể hiện tại cột “BNV đánh giá” của Bảng 2.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Bảng 2. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ Nội vụ quy định.

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp tỉnh;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Bảng 2.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá, được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của tỉnh được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 2.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

đ) Xếp hạng Chỉ số CCHC của các tỉnh:

- Kết quả Chỉ số CCHC của 63 tỉnh được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

- Kết quả Chỉ số CCHC của các tỉnh được xếp hạng theo 6 nhóm tương ứng với 6 vùng kinh tế - xã hội, gồm có: Trung du và Miền núi phía Bắc (14 tỉnh), Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố), Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (14 tỉnh, thành phố), Tây Nguyên (5 tỉnh), Đông Nam Bộ (6 tỉnh, thành phố), Tây Nam Bộ (13 tỉnh, thành phố).

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính

một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả cải cách hành chính.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC hàng năm dưới nhiều hình thức khác nhau (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính

- Các bộ, các tỉnh: Phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện cải cách hành chính triển khai công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của bộ, tỉnh một cách thường xuyên, liên tục. Tổng hợp, đánh giá một cách khách quan, trung thực kết quả cải cách hành chính đạt được hàng năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

- Các bộ chủ trì các nội dung cải cách hành chính theo phân công tại Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với lĩnh vực được giao phụ trách, để hàng năm phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số CCHC

- Xây dựng, hoàn thiện phần mềm đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC một cách chính xác, khách quan. Xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của các cơ quan hành chính. Nghiên cứu các hình thức tổ chức điều tra xã hội học một cách phù hợp, trong đó có hình thức điều tra trực tuyến để lấy ý kiến người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

- Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ Nội vụ, cơ quan chủ trì triển khai Đề án:

- Ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, các tỉnh triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh.

- Ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

+ Tổ chức triển khai công tác tự đánh giá chấm điểm kết quả cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh theo quy định.

+ Tổ chức công tác điều tra xã hội học: Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu điều tra xã hội học. Xác định phương thức tổ chức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, các tỉnh.

+ Tổng hợp, xử lý số liệu, xây dựng báo cáo Chỉ số CCHC.

+ Thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của các bộ, các tỉnh.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và từng nhóm cơ quan, địa phương đặc thù.

- Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong theo dõi, đánh giá: Xây dựng phần mềm đánh giá; khảo sát trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC.

b) Các bộ, các tỉnh:

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực để triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ: Tài chính; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực cải cách theo phân công của Chính phủ.

- Các bộ, các tỉnh căn cứ vào Chỉ số CCHC được phê duyệt tại Quyết định này, xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số CCHC áp dụng trong nội bộ của bộ, tỉnh phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc phù hợp với điều kiện thực tế của bộ, tỉnh để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà